

Hoa Mai (2023). Thực trạng về báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. *Đặc san Nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 1(2023), 144-152

Đặc san Nghiên cứu
Chính sách
và Phát triển

© Học viện
Chính sách
và Phát triển, 2022
© CSR, 2023

Bài báo khoa học

Thực trạng về báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Mai Thị Hoa (TS.)

Học viện Chính sách và Phát triển.

Email: hoamt@apd.edu.vn

Tóm tắt

Báo cáo tài chính (BCTC) là hệ thống báo cáo được lập theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, phản ánh các thông tin kinh tế tài chính tổng hợp về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp. Có thể coi BCTC là sản phẩm của quá trình lập, trình bày và cung cấp thông tin của một đơn vị kế toán. Trong đó, tính công khai, minh bạch thông tin trên BCTC của các doanh nghiệp niêm yết (DNNY) được quan tâm từ nhiều nhóm đối tượng khác nhau, không chỉ là ban lãnh đạo doanh nghiệp mà BCTC còn được quan tâm đặc biệt từ các nhà đầu tư, các chuyên gia phân tích, các đối tác, các cơ quan quản lý... Công khai, minh bạch là phương tiện hữu hiệu để các đối tượng quan tâm có được sự nhìn nhận, đánh giá đúng thực trạng hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là thực trạng tài chính khi đưa ra các quyết định kinh tế. Tuy nhiên, thông tin trên BCTC được trình bày và công bố như thế nào để đáp ứng được nhu cầu người sử dụng vẫn còn khoảng cách tương đối lớn giữa thực tế và kỳ vọng. Song, tính công khai minh bạch của thông tin trên BCTC của các DNNY phụ thuộc vào chất lượng của quá trình tạo lập, trình bày và công bố thông tin của các doanh nghiệp, quá trình này chịu ảnh hưởng của nhiều các yếu tố bên trong và bên ngoài DN. Do vậy, bên cạnh việc tìm hiểu thực trạng về BCTC thì việc tìm ra các yếu tố ảnh hưởng và đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng thông tin trên BCTC của các DNNY trong xu thế hội nhập hiện nay là hết sức cần thiết.

Ngày nhận bài:

15/11/2022

Bản sửa lần 1:

23/11/2022

Ngày duyệt bài:

10/12/2022

Mã số: ĐS150123

Từ khoá: Báo cáo tài chính; Chuẩn mực kế toán; môi trường pháp lý

Abstract

Financial statement(FS) is reporting system prepared in accordance with current accounting standards and regimes, reflecting general economic and financial information on the financial position, business results, and cash flows. FS can be considered as the product of the process of preparing, presenting, and providing information of an

enterprise. In particular, the publicity and transparency of information on the financial statements of listed companies (DNNY) are interested by many different target groups, not only the management board but also the financial statements of the listed companies, investors, analysts, partners, regulators.... Publicity and transparency are an effective means for interested parties to have a proper recognition and assessment of the current state of business operations, especially the financial situation when making economic decisions. However, regarding how the information on the financial statements is presented and disclosed to meet the needs of users, there is still a relatively large gap between reality and expectations. However, the publicity and transparency of information on financial statements of listed companies depends on the quality of the process of creating, presenting, and disclosing information of enterprises, which is influenced by many internal and external factors. Therefore, in addition to understanding the current situation of financial statements, it is very important to find out the influencing factors and make some recommendations to improve the quality of information on the financial statements of listed companies in the current integration trend is very necessary.

Keywords:

Financial report; Accounting Standards; regulatory environment

1. Tổng quan**1.1. Báo cáo tài chính của doanh nghiệp**

Báo cáo tài chính là một hệ thống các báo cáo tổng hợp được hình thành từ quá trình tạo lập, trình bày và công bố thông tin của một đơn vị kế toán. BCTC cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh, các luồng tiền và các thông tin khác trong

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính nhằm giải trình thêm về các chỉ tiêu đã phản ánh trên các BCTC tổng hợp và các chính sách kế toán đã áp dụng để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và trình bày Báo cáo tài chính của một doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế.

1.2. Quy định về lập, trình bày và công bố thông tin trên BCTC của các DNNY trên TTCK Việt Nam**Chuẩn mực kế toán về lập và trình bày BCTC**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính” thì Giám đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp chịu trách nhiệm về lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập và trình bày BCTC phải đảm bảo các yêu cầu và nguyên tắc sau:

Các yêu cầu khi trình bày BCTC

Báo cáo tài chính phải trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính phải được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

Doanh nghiệp cần nêu rõ trong phần thuyết minh báo cáo tài chính là báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được coi là lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam nếu báo cáo tài chính tuân thủ mọi quy định của từng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành do Bộ Tài chính ban hành.

Yêu cầu về thông tin trình bày trên BCTC

Tính thích hợp: Các thông tin trình bày trên BCTC phải thích hợp với nhu cầu ra quyết định của người sử dụng. Từ việc sử dụng những thông tin này, họ có thể nhận xét, đánh giá được những sự kiện và kết quả của doanh nghiệp, có phương hướng thực hiện trong tương lai nhằm đạt tới mục tiêu đã định. Tính thích hợp được hiểu là sử dụng cho đại đa số các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin khác nhau chứ không phải đáp ứng nhu cầu cụ thể của từng đối tượng sử dụng.

Tính trọng yếu: Tính trọng yếu của thông tin kế toán tùy thuộc vào tác động của nó đến quyết định kinh tế của người sử dụng thông tin. Mức độ trọng yếu được hiểu là nếu bỏ sót hoặc xác định sai các thông tin này có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin.

Độ tin cậy: Độ tin cậy của thông tin trên BCTC là một trong những yếu tố quan trọng và chủ yếu của chất lượng thông tin. Các thông tin có chất lượng đáng tin cậy khi đó phản ánh một cách trung thực, khách quan các nghiệp vụ và các sự kiện kinh tế phát sinh, tôn trọng nội dung hơn hình thức hoặc thông tin không bị bóp méo, giúp cho thông tin kế toán hữu ích hơn để từ đó các nhà đầu tư có thể khắc họa được đầy đủ và chính xác các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Tính so sánh: Các thông tin kế toán phải đảm bảo tính có thể so sánh được để có thể phân tích được những biến động về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Tính kịp thời: Để hữu hiệu trong việc đánh giá hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp, thông tin phải phát huy được tính kịp thời. Yêu cầu này làm cho việc phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp đúng

đúng theo bản chất của các sự kiện phát sinh, từ đó không dẫn đến các đánh giá hay nhận xét sai lầm về doanh nghiệp.

Tính dễ hiểu: Tính dễ hiểu được xác định trong phạm vi là người sử dụng thông tin phải có những kiến thức nhất định về kế toán chứ không phải cho rộng rãi tất cả các đối tượng. Tuy nhiên, khi một thông tin phức tạp nhưng cần thiết cho nhu cầu ra quyết định vẫn phải được trình bày và công bố.

Chế độ kế toán áp dụng cho các DNNY.

Hiện nay, các DNNY đang áp dụng Chế độ kế toán hiện hành theo thông tư 200/2014-BTC thay thế chế độ kế toán ban hành theo QĐ số 15/2006-BTC trước đó. Theo đó hệ thống biểu mẫu chứng từ, hệ thống sổ sách, hệ thống tài khoản và hệ thống báo cáo tài chính được ban hành và hướng dẫn vận dụng cụ thể trong thông tư này. Thông tư 200/2014-BTC ra đời đã có những quy định phù hợp với thực tiễn, hiện đại và mang tính khả thi, tôn trọng bản chất hơn hình thức, linh hoạt và mở, phù hợp với thông lệ quốc tế, rút ngắn khoảng cách giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế, đồng thời đề cao trách nhiệm của người cung cấp thông tin về tính minh bạch của các thông tin trên BCTC được công bố. Song, bên cạnh sự linh hoạt của chế độ kế toán hiện hành (như chứng từ, sổ sách chỉ mang tính hướng dẫn) giúp cho các doanh nghiệp chủ động xây dựng hệ thống chứng từ, sổ sách phù hợp với nhu cầu quản lý của mình trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu bắt buộc thì điều này cũng có ảnh hưởng nhất định đến quá trình thu thập, ghi nhận thông tin ban đầu của mỗi doanh nghiệp, do vậy, việc vận dụng sự linh hoạt của chế độ kế toán có thể dẫn đến chất lượng và tính minh bạch của thông tin trên BCTC của mỗi DN là khác nhau.

Ngoài ra, các doanh nghiệp niêm yết hoạt động dưới hình thức công ty mẹ - công ty con khi lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất phải tuân thủ theo những quy định và hướng dẫn tại thông tư 202/2014-BTC về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày BCTC hợp nhất đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và phương pháp kế toán xử lý các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, giữa tập đoàn và công ty liên doanh, liên kết.

Quy định về công bố thông tin trên TTCK của các DNNY

Các quy định về công bố thông tin trên TTCK của các DNNY được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 155/2015-BTC về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và tại Nghị định 2017/71-CP về quản trị công ty đại chúng. Các DNNY khi công bố thông tin phải đảm bảo một số nội dung sau:

DNNY có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. DNNY phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Như vậy, thông qua các quy định trên ta có thể đánh giá được phần nào việc doanh nghiệp có CBTT kịp thời, chính xác và đầy đủ cho nhà đầu tư và toàn thị trường hay không, trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc công bố và giải trình thông tin, từ đó đánh giá được mức độ minh bạch hóa thông tin trên TTCK.

2. Thực trạng về thông tin trên Báo cáo tài chính của DNNY

2.1. Đặc điểm báo cáo tài chính của các DNNY

Thứ nhất, BCTC của các DNNY đòi hỏi độ tin cậy cao và nhận được sự quan tâm của nhiều đối tượng.

Xuất phát từ đặc trưng của DNNY là doanh nghiệp cổ phần đại chúng, được phát hành cổ phiếu trên TTCK, cổ phiếu của DNNY được phép tự do mua bán trên thị trường, theo đó, BCTC của DNNY nhận được sự quan tâm của đa dạng đối tượng, không chỉ là chính ban lãnh đạo doanh nghiệp, các nhà quản lý (cơ quan thuế, ủy ban chứng khoán...), các đối tác kinh doanh (nhà cung cấp, đối tác liên danh, liên kết...), các nhà cung cấp tín dụng (ngân hàng, các tổ chức tài chính...), mà đặc biệt là nhận được sự quan tâm của đông đảo công chúng là các NĐT tổ chức và cá nhân (các quỹ đầu tư, các doanh nghiệp chứng khoán, các chuyên gia phân tích tài chính, cổ đông và cộng đồng các NĐT thuộc nhiều tầng lớp với số lượng đông, trình độ cao thấp khác nhau). Do vậy, các thông tin trên BCTC của DNNY ***đòi hỏi có độ tin cậy cao và rất nhạy cảm với các quyết định của người sử dụng thông tin. Người sử dụng, nhất là các NĐT có thể phải chịu thiệt hại nặng nề về kinh tế nếu các quyết định dựa trên các BCTC thiếu tin cậy, hơn nữa, điều này có thể gây ảnh hưởng tới lòng tin của NĐT vào TTCK, cũng như ảnh hưởng lan tỏa tới sự phát triển an toàn, lành mạnh của TTCK.***

Thứ hai, BCTC của các DNNY theo dõi và phản ánh nhiều chỉ tiêu đặc thù: Xuất phát từ đặc điểm cổ phiếu của DNNY ***được sở hữu bởi số lượng lớn cổ đông và liên tục có sự biến động, do vậy, BCTC của DNNY phải theo dõi và phản ánh các nghiệp vụ chi***

tiết về vốn chủ sở hữu theo từng đối tượng cổ đông và theo từng thời điểm (cổ phiếu phát hành thêm và cổ tức); dẫn đến các chỉ tiêu chỉ xuất hiện trên BCTC của doanh nghiệp cổ phần nói chung và của DNNY **nói riêng như “thặng dư vốn cổ phần”, “cổ phiếu quỹ” trên Bảng cân đối kế toán; “lãi cơ bản trên một cổ phiếu” trên Báo cáo kết quả kinh doanh; hay “lợi ích của cổ đông thiểu số” trên các BCTC hợp nhất; và Thuyết minh BCTC là một bộ phận rất quan trọng của BCTC của các DNNY và được sự quan tâm đặc biệt của các đối tượng sử dụng thông tin.**

Thứ ba, BCTC của các DNNY phản ánh khối lượng nghiệp vụ lớn và phức tạp: Đặc điểm của các DNNY thường có quy mô lớn và hoạt động đa ngành nghề, gồm cả lĩnh vực nhiều rủi ro, theo đó, nếu là BCTC của doanh nghiệp mẹ phải bao gồm BCTC hợp nhất từ các doanh nghiệp con, doanh nghiệp liên kết, chứa đựng các quan hệ tài chính phức tạp hơn như đầu tư **vào** công ty con, đầu tư chéo, đầu tư ra nước ngoài. Bên cạnh đó, BCTC có nhiều chỉ tiêu, nhiều khoản ước tính kế toán, thông tin trình bày cũng như theo dõi các nghiệp vụ, khoản mục phức tạp theo đặc thù ngành nghề kinh doanh của DNNY như xây dựng, bất động sản...

Thứ tư, BCTC của DNNY phải tuân thủ các quy định khắt khe hơn của TTCK, trong đó có yêu cầu bắt buộc phải kiểm toán: Hoạt động của DNNY **được quản lý chặt chẽ bởi nhiều hệ thống pháp luật, trong đó có quy định của luật chứng khoán, do đó, BCTC của DNNY phải tuân thủ các quy định khắt khe hơn về thời gian công bố và bắt buộc phải được kiểm toán hàng năm. Về thời gian công bố được quy định tại từng TTCK, nói chung, BCTC phải được công bố từng quý, 6 tháng, 1 năm và tuân thủ thời gian công**

bổ thông tin nghiêm ngặt hơn so với các doanh nghiệp thông thường; BCTC phải được kiểm toán hàng năm (hoặc có thể phải chịu soát xét hàng quý hoặc 6 tháng, 1 năm) bởi một tổ chức kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán DNNY.

Trước khi muốn niêm yết, Công ty cổ phần phải thực hiện đăng ký và hoàn tất bộ hồ sơ bản cáo bạch, trong đó bắt buộc phải có BCTC đáp ứng các điều kiện và điều này được quy định ở từng quốc gia. Trong suốt quá trình niêm yết, tình trạng xấu của BCTC đã được kiểm toán sẽ dẫn đến DNNY có thể bị đưa vào tình trạng cảnh báo, kiểm soát, thậm chí bị hủy niêm yết. Điều này được quy định tùy từng quốc gia. Hầu hết các TTCK đều quy định, BCTC của các doanh nghiệp niêm yết phải thể hiện kết quả kinh doanh có lãi và nhận được ý kiến của KTV về độ tin cậy của các BCTC. (Bùi Thị Thủy, 2014).

Từ những đặc điểm trên, có thể thấy BCTC của DNNY có vai trò quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến quyết định của những đối tượng sử dụng thông tin trên BCTC để đưa ra các quyết định kinh tế. Do vậy, nâng cao chất lượng thông tin trên BCTC là nhiệm vụ không chỉ của bản thân các DNNY và còn là nhiệm vụ của các cá nhân và tổ chức có liên quan.

2.2. Thực trạng về thông tin trên BCTC của các DNNY trên TTCK Việt Nam

Để có cái nhìn tổng quan về thực trạng thông tin trên BCTC của các DNNY, tác giả đã sử dụng thông tin thứ cấp từ những công trình nghiên cứu trước đó của tác giả và các nguồn tài liệu khác, đồng thời kết hợp với phỏng vấn chuyên sâu với các chuyên gia về hai câu hỏi mở liên quan đến (1) thực trạng lập, trình bày và công bố thông tin trên BCTP của các DNNY hiện nay cũng như

là một số nguyên nhân ảnh hưởng đến thực trạng đó và (2) gợi ý một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng thông tin trên BCTC của các DNNY trên TTCK Việt Nam hiện nay. Theo đó, hệ thống BCTC của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, của các doanh nghiệp niêm yết nói riêng ngày càng trở nên trung thực và minh bạch hơn do các quy định của Nhà nước ngày càng rõ ràng và tiếp cận dần tới chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Đặc biệt, kể từ năm 2015 khi Thông tư 200/2014/TT-BTC (Thông tư 200) của Bộ Tài chính được ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực, các nghiệp vụ kinh tế đã được phản ánh đúng bản chất hơn, các thông tin trình bày trên BCTC đầy đủ hơn, chất lượng hơn, giúp cho người sử dụng BCTC đưa ra được các quyết định phù hợp hơn. Tuy nhiên, bên cạnh đó, việc cố tình “bóp méo” BCTC đâu đó vẫn diễn biến phức tạp, việc chưa thực hiện đầy đủ các quy định chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan vẫn tồn tại, tình trạng chậm nộp BCTC vẫn gia tăng, điều này ảnh hưởng đến những quyết định kịp thời của người sử dụng thông tin trên BCTC. Có thể khái quát thực trạng phổ biến hiện nay về BCTC của các DNNY hiện nay như sau:

Về Sự thích hợp: Đa số thông tin trên BCTC của các DNNY đã được trình bày tương đối đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật kế toán và các quy định về công bố thông tin, tuy nhiên với số điểm này thì cũng chưa được đánh giá ở mức cao điều này đồng nghĩa với việc các thông tin trên BCTC vẫn chưa cung cấp đầy đủ những cơ hội và rủi ro để các đối tượng sử dụng ra quyết định và tiên đoán các kết quả tương lai của DN; đa số các doanh nghiệp chưa nhận thức được vấn đề công bố thông tin

phi tài chính liên quan đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, một số DN có cung cấp nhưng nhìn chung vẫn còn sơ sài điều này hạn chế việc ra quyết định phù hợp của nhà đầu tư.

Về Sự tin cậy: Hiện tượng chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán vẫn diễn ra phổ biến ở hầu hết các DN, có nhiều DN đang lái chuyển thành lỗ và ngược lại, điều này dù là khách quan hay chủ quan đều gây mất niềm tin cho nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán. Trong đó, các sai lệch trong BCTC do doanh nghiệp tự lập và sau kiểm toán thường xuất hiện những sai sót trong việc ghi chép và trình bày các khoản mục trên BCTC, phần lớn là do chênh lệch từ quan điểm khác nhau giữa doanh nghiệp với các kiểm toán viên liên quan đến các ước tính kế toán như các khoản dự phòng, khấu hao và phân bổ, sai sót nhầm lẫn từ phía các công ty con, công ty liên doanh liên kết của doanh nghiệp làm cho BCTC của công ty mẹ cũng bị sai theo, khi thực hiện kiểm toán các công ty con, công ty liên doanh liên kết này thì mới phát hiện ra sai sót. Theo kết quả khảo sát 277 DNNY năm 2021 do tác giả thực hiện 18 doanh nghiệp, chiếm tỷ lệ 6% trong tổng số 277 DNNY được khảo sát có chênh lệch trong kết quả kinh doanh tương đương mức sai sót vượt mức trọng yếu với tỷ lệ cao (mức chênh lệch trên 50% lợi nhuận sau thuế đã kiểm toán), trong đó có những doanh nghiệp mức chênh lệch trên 100% lợi nhuận sau thuế đã kiểm toán gồm các DNNY có mã CK như: KSK, QNC, HLD, PVB, SDD, DLR... Và có 28 DN, chiếm tỷ lệ 10%, gồm một số DN như: ICG, CLM, TH, VSA, VGP... có chênh lệch trong kết quả kinh doanh tương đương mức sai sót vượt mức trọng yếu. Ngoài ra, một số ý kiến thu nhập được trong quá trình thực hiện khảo

sát cho rằng, việc sai sót xảy ra đôi khi do kế toán thiếu kinh nghiệm trong công việc, đặc biệt là trong các DNNY có ngành nghề kinh doanh phức tạp, bên cạnh đó cũng có một số ý kiến cho rằng sai sót là do quá trình xử lý của phần mềm kế toán...

Về Sự dễ hiểu, dễ tiếp cận (Sự thuận tiện): Đa số các DN đã trình bày các BCTC tài chính theo đúng kết cấu quy định. Tuy nhiên, việc giải thích các thuật ngữ đặc thù hầu như các DN chưa giải thích chi tiết, rõ ràng, gây khó khăn cho người sử dụng BCTC, hầu hết Báo cáo tài chính chủ yếu được lập bằng tiếng Việt, rất ít các DNNY công bố báo cáo bằng tiếng Anh. Điều này hạn chế việc thu hút nhà đầu tư nước ngoài.

Về Sự so sánh: Các thông tin được trình bày trên BCTC theo quy định là chỉ trình bày thông tin của 2 kỳ: là kỳ báo cáo và kỳ liên trước ngoài ra các chỉ số về so sánh ngành cũng ít được các DN trình bày trên BCTC nên để có một sự so sánh, đánh giá đầy đủ toàn diện là chưa có thông tin đầy đủ. Theo kết quả khảo sát, cũng như ý kiến đánh giá của các chuyên gia thì trên BCTC của DN ít khi tự nguyện phân tích các chỉ số tài chính, ít có biểu đồ, đồ thị minh họa về biến động của các khoản mục trên BCTC. Như vậy, khi trình bày nội dung này các doanh nghiệp chỉ thực hiện đúng theo yêu cầu của luật pháp về kế toán mà chưa hướng tới tính hữu ích cho người sử dụng.

Về Tính kịp thời: Hiện nay, nhiều DN vẫn chậm nộp BCTC, ngoài việc chậm nộp BCTC, nhiều DN vẫn không công bố hoặc công bố không kịp thời bản giải trình khi có sự chênh lệch số liệu trước và sau kiểm mặc dù sự thay đổi lợi nhuận sau thuế trên 10%, mặc dù chậm công bố BCTC là bị xử phạt hành chính nhưng mức phạt có lẽ chưa đủ sức răn đe, ngoài ra cũng do

một số nguyên nhân khách quan như DN phải mất thời gian hợp nhất BCTC, lỗi về phần mềm kế toán, nhân viên kế toán chưa chuyên nghiệp... Theo kết quả khảo sát 277 DNNY do tác giả thực hiện năm 2021. Trong tổng số 277 DNNY được khảo sát thì có 12 DNNY chiếm 4.33%, bao gồm các DN có mã Cổ phiếu tương ứng như: ALT, CTA, DNP, VC9, V21, SDE, PVV, VE2, VE8, LDP, MKV... có BCTC đã được kiểm toán nộp quá hạn (sau ngày thứ 10 kể từ khi ký báo cáo kiểm toán) đồng thời nộp sau ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính; có 19 DN chiếm gần 7% trong tổng số 277 DNNY được khảo sát, bao gồm: BCC, LM7, MIM, THB, HLD, LBE, VKC, MHL có BCTC đã được kiểm toán nộp quá hạn (sau ngày thứ 10 kể từ khi ký báo cáo kiểm toán) đồng thời nộp đúng ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính”

3. Kết luận và Kiến nghị

Từ những nội dung trình bày ở các phần trên, có thể thấy chất lượng thông tin trên BCTC của các DNNY tuy có cải thiện hơn nhưng nhìn chung vẫn còn thấp. Ngoài một số DNNY thực hiện khá tốt các thời hạn quy định cũng như tuân thủ các quy định trong việc công bố và trình bày thông tin, vẫn còn khá nhiều DNNY thực hiện chưa tốt các quy định trong việc công bố thông tin (CBTT). Trong đó, mức độ chính xác của thông tin trên BCTC công bố trước và sau kiểm toán còn chênh lệch khá lớn. Nhiều DNNY vẫn nộp BCTC trễ hạn với thời hạn trễ rất dài so với thời hạn quy định. Nhiều DN vẫn còn tâm lý đối phó khi thực hiện việc CBTT. Ý thức về việc nâng cao tính minh bạch trong việc trình bày và CBTT để tạo niềm tin và sự yên tâm cho các nhà đầu tư chưa được quan tâm đúng mức. Cụ thể, việc tạo thuận lợi hay dễ dàng cho nhà đầu tư tiếp cận thông tin chưa được nhiều DNNY để ý đến. Đa phần

nhà đầu tư chỉ thấy những thông tin được công bố theo quy định của pháp luật trên các phương tiện mà UBCKNN quy định hoặc thông qua các phương tiện trung gian. Trên website nhiều DNNY không trình bày thông tin BCTC hoặc các thông tin công bố sắp xếp không khoa học, thiếu sự đầu tư hay hướng dẫn trong việc tìm kiếm khiến nhà đầu tư gặp rất nhiều khó khăn khi tìm hiểu thông tin. Tất cả điều đó đều làm giảm tính minh bạch thông tin trên BCTC của các DNNY, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của TTCK nói riêng và thị trường tài chính nói chung. Để đánh giá tính minh bạch thông tin trên BCTC là việc không dễ dàng, song làm thế nào để biết được các yếu tố ảnh hưởng đến tính minh bạch thông tin trên BCTC càng khó hơn. Bởi vì, chỉ khi hiểu rõ, nắm vững và kiểm soát được các yếu tố ảnh hưởng đến tính minh bạch thông tin trên BCTC mới giúp nhà quản lý doanh nghiệp, các cơ quan quản lý xác định được các giải pháp phù hợp để nâng cao tính minh bạch thông tin trên BCTC. Các yếu tố ảnh hưởng đến tính minh bạch thông tin trên BCTC có thể xuất phát từ bên trong và bên ngoài, có thể từ phía các DNNY với vai trò là người cung cấp thông tin, từ phía các công ty kiểm toán trong việc phát hiện và báo cáo các sai phạm trọng yếu trên BCTC, hay từ phía môi trường pháp lý liên quan, hay do một yếu tố nào khác. Từ kết quả phỏng vấn chuyên gia và quan điểm của tác giả, để tăng cường chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính của các DNNY trên TTCK Việt nam, tác giả đề xuất một số khuyến nghị như sau:

3.1. Đối với các DNNY: Cần tăng cường ý thức trách nhiệm; Đầu tư phát triển hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, Hoàn thiện hệ thống quản trị công ty và xây dựng hệ thống kiểm toán nội bộ trong DN

3.2. Đối với các công ty kiểm toán: Cần phải tập trung nhiều hơn trong việc nâng cao chất lượng kiểm toán, tăng cường đào tạo, cập nhật cho đội ngũ nhân viên, đặc biệt là kỹ năng lập giấy tờ làm việc, thu thập bằng chứng kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán. BCTC được kiểm toán cần có mục giải trình giá phí kiểm toán: Luật Kiểm toán cần yêu cầu các BCTC được kiểm toán phải công bố giá phí kiểm toán và các mức phí khác mà công ty phải trả cho kiểm toán độc lập. Điều này sẽ giúp cho người đọc BCTC có thể đánh giá được mức độ và chất lượng kiểm toán qua mức độ phí.

3.2. Đối với cơ quan chức năng: Bộ tài chính (BTC) cần hoàn thiện môi trường pháp lý về trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và công bố thông tin như: Thúc đẩy lộ trình áp dụng chuẩn mực IFRS và sửa đổi chuẩn mực kế toán, kiểm toán Việt Nam theo hướng tiệm cận với chuẩn mực kế toán quốc tế; Hoàn thiện các quy định về trình bày và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Tăng cường các chế tài xử phạt nhằm đủ sức răn đe đối với các DNNY không tuân thủ các quy định về CBTT; Nhà nước cần có chính sách bảo vệ quyền lợi cổ đông nhỏ, tăng cường khả năng đọc hiểu BCTC cho nhà đầu tư, hướng tới nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, UNCK Nhà nước phối hợp với Bộ tài chính, Sở Giao dịch chứng khoán và các hiệp hội chứng khoán, hiệp hội kiểm toán, các tổ chức trong và ngoài nước, các hiệp hội nhà đầu tư xây dựng bộ tiêu chí chính thức để đánh giá tính minh bạch của thông tin trên BCTC của các DNNY đồng thời cũng cần sự phối hợp của các cơ quan truyền thông trong việc tuyên truyền cho nhà đầu tư và các doanh nghiệp hiểu rõ lợi ích mà chỉ số minh bạch hóa thông tin mang lại. Khi đã có bộ tiêu chí chính thức

thì Doanh nghiệp có thể tự nguyện và định kỳ tính điểm của mình dựa trên form mẫu được công bố và tìm được những giải pháp nhằm tăng cường tính minh bạch, tính dự báo và góp phần nâng cao, hiệu quả hoạt động cho doanh nghiệp, giảm thiểu rủi ro. Tất cả các đối tượng tham gia trên TTCK đều có thể dựa vào bộ tiêu chí này để chấm điểm minh bạch của thông tin trên BCTC của các DNNY như vậy nhà đầu tư sẽ có một kênh thông tin hữu ích, tổng hợp và dễ dàng so sánh hơn trong việc ra quyết định đầu tư. Tuy nhiên, để giúp các doanh nghiệp nhận thức được tầm quan trọng, cũng như lợi ích của việc công bố thông tin minh bạch, đầy đủ, cần có các biện pháp khuyến khích hợp lý, như: trao giải thưởng, chứng chỉ hàng năm vinh danh các doanh nghiệp có chỉ số minh bạch hóa thông tin cao.

3.4. Về phía các Hiệp Hội nghề nghiệp và Các cơ sở giáo dục đào tạo

Cần đề cao vai trò, trách nhiệm của Hiệp hội nghề nghiệp về kế toán-kiểm toán - thuế. Các trường Đại học cần nâng cao chất lượng đầu ra của đội ngũ cử nhân kế toán - kiểm toán; Các doanh nghiệp cần hợp tác với các cơ sở đào tạo trong việc tạo môi trường thực hành cho các sinh viên kế toán. Cần đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá về nghề nghiệp và hành nghề kế toán giúp họ nhận thức đúng về hành nghề, lợi ích và xu hướng phát triển, khuyến khích nâng cao trình độ và tham gia thi lấy chứng chỉ hành nghề. VAA cần khuyến nghị với Bộ Tài chính tổ chức nhiều kỳ thi trong năm, mở thêm điểm thi ở các thành phố lớn nhằm tạo điều kiện thuận lợi để nhiều người được tham gia kỳ thi; nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học và người hành nghề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2015), *Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*, Thông tư số 55/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015;
2. Bộ Tài chính (2012, 2017), *Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng*;
3. Mai Thị Hoa (2019), *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tính minh bạch thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp*. Tạp chí tài chính, kỳ 1 Tháng 6/2019, tr 110-113
4. Mai Thị Hoa (2020), *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tính minh bạch thông tin trên BCTC của các DNNY trên TTCK Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, ĐH Thương Mại;
5. Nguyễn Đình Hùng (2010), *Hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố của các công ty niêm yết tại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;
6. Nguyễn Phúc Sinh (2008), *Nâng cao tính hữu ích trong BCTC doanh nghiệp Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;
7. Phạm Quốc Thuần (2016), *Các yếu tố tác động đến chất lượng thông tin BCTC trong các DN Việt Nam*;
8. Bùi Thị Thủy (2014). *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Đại học KTQD;
9. Abdullah, Z., Almsafir, M. and Al-Smadi, A (2015) *Transparency and Reliability in Financial Statement: Do They Exist? Evidence from Malaysia*, Open Journal of Accounting, 4, 29-43;
10. Ferdy Van Beest và G. B. Suzanne Boelens (2009), *“Quality of Financial Reporting: measuring qualitative characteristics”*, NICE working paper-Nijmegen Center for Economics, 9-108, <http://www.ru.nl/nice/working paper>;
11. Standard & Poor's, (2004). *Transparency and disclosure in Hong Kong*. <http://www.cgfrc.nus.edu.sg>